

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐIỆN NƯỚC AN GIANG**

Số: 37/CTCPĐN-CBTT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

An Giang, ngày 14 tháng 8 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao Dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công Ty cổ phần Điện Nước An Giang thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) giữa niên độ (6 tháng đầu) năm 2026 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức:

- Mã chứng khoán: DNA
- Địa chỉ: Số 821 Trần Hưng Đạo- P. Bình Đức – An Giang
- Điện thoại liên hệ/Tel: 0296.3856100 Fax:0296.3857800
- Email: thaongoc5ag@gmail.com. Website: www.diennuocag.com.vn.

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC giữa niên độ (6 tháng đầu) năm 2026

☐ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con)

☒ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã được soát xét/ kiểm toán):

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC đã được soát xét/ kiểm toán):

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 14/8/2026 tại đường dẫn www.diennuocag.com.vn (mục quan hệ cổ đông).

Tài liệu đính kèm:
- BCTC.....

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



CHỦ TỊCH HĐQT

Lương Văn Bạ

**CÔNG TY
CP ĐIỆN
NƯỚC AN
GIANG**

Digitally signed by CÔNG TY CP
ĐIỆN NƯỚC AN GIANG
DN: C=VN, L=AN GIANG, CN=
CÔNG TY CP ĐIỆN NƯỚC AN
GIANG,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=
MST:1600249791, E=
CTYDN_AG@YAHOO.COM.VN
Reason: I am the author of this
document
Location:
Date: 2026.08.14 15:27:40+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 12.1.2

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2026**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Thông tin chung	2 - 3
3. Báo cáo của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	4
4. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5
5. Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026	6 - 9
6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026	10
7. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026	11 - 12
8. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026	13 - 42
9. Phụ lục	43



THÔNG TIN CHUNG

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Điện nước An Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước Công ty Điện nước An Giang theo Quyết định số 1424/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600249791, đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 3 năm 2011, đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 29 tháng 7 năm 2025 và Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 13 tháng 7 năm 2026 do Sở Tài chính tỉnh An Giang cấp.

Hoạt động kinh doanh của Công ty là: Truyền tải và phân phối điện; Khai thác, xử lý và cung cấp nước; Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai; Mua bán vật tư, thiết bị điện nước.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam
- Điện thoại : 0296.3856100
- Fax : 0296.3857800

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị

Chi nhánh Công ty Cổ phần Điện nước An Giang - Xí nghiệp Điện nước Chợ Mới
Chi nhánh Công ty Cổ phần Điện nước An Giang - Xí nghiệp Điện nước Châu Thành
Chi nhánh Công ty Cổ phần Điện nước An Giang - Xí nghiệp Điện nước Châu Phú
Chi nhánh Công ty Cổ phần Điện nước An Giang - Xí nghiệp Điện nước Tân Châu
Chi nhánh Công ty Cổ phần Điện nước An Giang - Xí nghiệp Điện nước Phú Tân
Chi nhánh Công ty Cổ phần Điện nước An Giang - Xí nghiệp Điện nước Tịnh Biên
Chi nhánh Công ty Cổ phần Điện nước An Giang - Xí nghiệp Điện nước Thoại Sơn
Chi nhánh Công ty Cổ phần Điện nước An Giang - Xí nghiệp Cấp nước Long Xuyên
Chi nhánh Công ty Cổ phần Điện nước An Giang - Xí nghiệp Điện nước Châu Đốc
Chi nhánh Công ty Cổ phần Điện nước An Giang - Xí nghiệp Điện nước Tri Tôn
Chi nhánh Công ty Cổ phần Điện nước An Giang - Xí nghiệp Điện nước An Phú
Chi nhánh Công ty Cổ phần Điện nước An Giang - Xí nghiệp Xây lắp Điện nước

Địa chỉ

Ấp Long Hòa, xã Chợ Mới, tỉnh An Giang, Việt Nam
Số 346, Quốc lộ 91, ấp Hòa Long 4, xã An Châu, tỉnh An Giang, Việt Nam
Số 169, Quốc lộ 91, ấp Vĩnh Phú, xã Vĩnh Thạnh Trung, tỉnh An Giang, Việt Nam
Tỉnh lộ 954, khóm Long Hưng 2, phường Tân Châu, tỉnh An Giang, Việt Nam
Ấp Thượng 3, xã Phú Tân, tỉnh An Giang, Việt Nam
Khóm Hòa Hưng, phường Thới Sơn, tỉnh An Giang, Việt Nam
Ấp Bắc Sơn, xã Thoại Sơn, tỉnh An Giang, Việt Nam
Số 1244, đường Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang, Việt Nam
Số 64 Cừ Trĩ, khóm Vĩnh Phú, phường Châu Đốc, tỉnh An Giang, Việt Nam
Ấp Tô Thù, xã Tri Tôn, tỉnh An Giang, Việt Nam
Số 4004, đường Bạch Đằng, ấp An Hưng, xã An Phú, tỉnh An Giang, Việt Nam
Số 632, đường Trần Hưng Đạo, khóm Bình Đức 1, phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Lương Văn Bạ	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2026
Ông Lê Việt Anh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2026
Ông Lê Thành Bửu	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2026
Ông Lâm Thành Quang	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2026
Ông Trần Nhất Trí	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2026
Ông Nguyễn Tuấn Huy	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2026
Ông Trương Văn Nghiệm	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2026

Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	
Bà Nguyễn Thị Ngọc Châu	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2026
Ông Châu Minh Tú	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2026
Ông Trần Lê Minh Hoan	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2026

Ban điều hành

Các thành viên Ban điều hành trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Lê Việt Anh	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2021
Ông Trần Nhất Trí	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2021
Ông Trương Văn Nghiệm	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 02 năm 2022
Ông Huỳnh Lâm	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2024
		Miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2026
Ông Nguyễn Ngọc Châu	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 10 năm 2025
Ông Phạm Cao Trí	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 01 năm 2023

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lương Văn Bạ - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C được chỉ định là công ty kiểm toán của Công ty.



BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện nước An Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công bố của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc,



Lương Văn Ba
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày 12 tháng 8 năm 2026



Số: 4.0271/26/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CÒ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Điện nước An Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 12 tháng 8 năm 2026, từ trang 06 đến trang 43, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các nguyên tắc của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Điện nước An Giang tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Tây Nam Bộ**

**Nguyễn Hữu Danh****Thành viên Ban Giám đốc**

Số Giấy CNDKHN kiểm toán số: 1242-2023-008-1

Người được ủy quyền

TP. Cần Thơ, ngày 12 tháng 8 năm 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		574.026.629.770	500.104.523.198
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	178.038.439.562	161.673.624.329
1. Tiền	111		128.038.439.562	161.673.624.329
2. Các khoản tương đương tiền	112		50.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		35.340.000.000	35.340.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	V.2a	35.340.000.000	35.340.000.000
4. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	124		-	-
5. Đầu tư ngắn hạn khác	125		-	-
6. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác	126		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		279.430.502.999	232.443.889.776
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	264.897.883.910	221.414.068.745
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	9.168.360.440	4.962.493.794
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.5a	6.692.816.120	7.395.884.708
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	V.6	(1.328.557.471)	(1.328.557.471)
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		43.563.672.526	43.635.622.879
1. Hàng tồn kho	141	V.7	43.563.672.526	43.635.622.879
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		-	-
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151		-	-
2. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	152		-	-
3. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn	153		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		37.654.014.683	27.011.386.214
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.8a	37.654.014.683	27.011.386.214
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	165		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.143.639.115.835	1.152.862.130.309
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.654.782.344	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu dài hạn khác	215	V.5b	1.654.782.344	-
6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	216		-	-
II. Tài sản cố định	220		969.630.082.081	976.396.116.122
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	951.881.566.030	959.374.007.661
- Nguyên giá	222		2.307.831.045.274	2.265.807.675.421
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.355.949.479.244)	(1.306.433.667.760)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	17.748.516.051	17.022.108.461
- Nguyên giá	228		19.645.417.427	18.761.191.827
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.896.901.376)	(1.739.083.366)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
1. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	231		-	-
a) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành	232		-	-
b) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành	233		-	-
- Nguyên giá	234		-	-
- Giá trị khấu hao lũy kế	235		-	-
2. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn	236		-	-
3. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn	237		-	-
4. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học dài hạn	238		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		31.424.149.654	30.671.821.281
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	V.11	31.424.149.654	30.671.821.281
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260		6.584.040.000	3.584.040.000
1. Đầu tư vào công ty con	261		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263	V.2b	84.040.000	84.040.000
4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265	V.2a	6.500.000.000	3.500.000.000
6. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	266		-	-
VII. Tài sản dài hạn khác	270		134.346.061.756	142.210.152.906
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.8b	134.346.061.756	142.210.152.906
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	272		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	274		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		1.717.665.745.605	1.652.966.653.507



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		861.534.743.819	787.513.582.634
I. Nợ ngắn hạn	310		496.927.860.798	478.028.101.281
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	202.353.440.778	174.028.127.139
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	830.775.220	302.801.182
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	V.14	84.874.404.475	400.715.425
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.15	31.103.103.621	43.791.004.095
5. Phải trả người lao động	315	V.16	40.414.030.725	43.288.672.481
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.17	928.437.213	559.441.120
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng ngắn hạn	318		-	-
9. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		-	-
10. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.18a	35.379.870.436	80.794.159.658
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.19a	68.113.364.052	96.692.809.875
12. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322		-	-
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.20	32.930.434.278	38.170.370.306
14. Quỹ bình ổn giá	324		-	-
15. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	325		-	-
II. Nợ dài hạn	330		364.606.883.021	309.485.481.353
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn	333		-	-
4. Chi phí phải trả dài hạn	334		-	-
5. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	335		-	-
6. Phải trả nội bộ dài hạn	336		-	-
7. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337		-	-
8. Phải trả dài hạn khác	338	V.18b	106.203.670.048	107.203.670.048
9. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	V.19b	241.930.164.685	186.479.254.241
10. Trái phiếu chuyển đổi	340		-	-
11. Cổ phiếu ưu đãi	341		-	-
12. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342	V.21	16.473.048.288	15.802.557.064
13. Dự phòng phải trả dài hạn	343		-	-
14. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		856.131.001.786	865.453.070.873
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.22	563.295.670.000	563.295.670.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		563.295.670.000	563.295.670.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.22	194.720.612.838	180.970.612.838
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.22	98.114.718.948	121.186.788.035
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		36.692.437.535	121.186.788.035
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	420b		61.422.281.413	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.717.665.745.605	1.652.966.653.507

Dương Quốc Quân
Người lậpPhạm Cao Trí
Kế toán trưởng

Phê duyệt, ngày 12 tháng 8 năm 2026

Lương Văn Bạ
Người đại diện theo pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.523.519.725.875	1.395.095.728.311
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.523.519.725.875	1.395.095.728.311
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.220.395.736.623	1.114.234.112.236
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		303.123.989.252	280.861.616.075
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.3	951.708.858	852.264.609
8. Chi phí tài chính	23	VI.4	13.295.871.550	9.205.993.537
Trong đó: chi phí đi vay	24		13.295.871.550	9.205.993.537
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	103.748.723.602	100.288.399.746
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	62.788.705.254	58.185.414.566
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		124.242.397.704	114.034.072.835
12. Thu nhập khác	31	VI.7	7.189.031.032	11.527.421.096
13. Chi phí khác	32	VI.8	4.467.335.697	4.286.969.413
14. Lợi nhuận khác	40		2.721.695.335	7.240.451.683
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		126.964.093.039	121.274.524.518
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	24.718.320.402	21.757.519.350
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	670.491.224	2.496.275.337
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		101.575.281.413	97.020.729.831
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	1.335	1.388
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	1.335	1.388

Phê duyệt, ngày 12 tháng 8 năm 2026

Dương Quốc Quân
Người lậpPhạm Cao Trí
Kế toán trưởng
Lương Văn Bạ
Người đại diện theo pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		126.964.093.039	121.274.524.518
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, V.10	54.776.811.029	52.735.632.132
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05	VI.3	(839.538.055)	(778.138.055)
- Chi phí đi vay	06	VI.4	13.295.871.550	9.205.993.537
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		194.197.237.563	182.438.012.132
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(47.253.318.702)	(80.381.035.661)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.217.759.131	(5.182.941.053)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(16.921.179.059)	31.005.864.227
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		(2.778.537.319)	(8.898.281.485)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Chi phí đi vay đã trả	14	V.17, V.18a, VI.4	(12.926.875.457)	(10.379.367.729)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(39.293.344.911)	(33.383.614.669)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.20	55.040.000	14.040.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.20	(31.697.976.028)	(19.338.684.820)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		44.598.805.218	55.893.990.942
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.4, V.9, V.10, V.11, V.12	(52.804.793.156)	(51.989.343.464)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(10.000.000.000)	(7.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		7.000.000.000	17.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5a, VI.3	720.000.000	742.684.932
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(55.084.793.156)	(41.246.658.532)



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19a, b	98.913.663.168	81.526.196.148
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19a	(72.042.198.547)	(60.073.385.932)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.14, V.22d	(20.661.450)	(14.046.225)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		26.850.803.171	21.438.763.991
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		16.364.815.233	36.086.096.401
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	161.673.624.329	46.457.676.036
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	178.038.439.562	82.543.772.437

Phê duyệt, ngày 12 tháng 8 năm 2026

Dương Quốc Quân
Người lậpPhạm Cao Trí
Kế toán trưởng
Lương Văn Bạ
Người đại diện theo pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Điện nước An Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, kinh doanh thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Truyền tải và phân phối điện; Khai thác, xử lý và cung cấp nước; Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai; Mua bán vật tư, thiết bị điện nước.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân

Tên đơn vị

Chi nhánh Công ty Cổ phần Điện nước An Giang - Xí nghiệp Điện nước Chợ Mới
Chi nhánh Công ty Cổ phần Điện nước An Giang - Xí nghiệp Điện nước Châu Thành
Chi nhánh Công ty Cổ phần Điện nước An Giang - Xí nghiệp Điện nước Châu Phú
Chi nhánh Công ty Cổ phần Điện nước An Giang - Xí nghiệp Điện nước Tân Châu
Chi nhánh Công ty Cổ phần Điện nước An Giang - Xí nghiệp Điện nước Phú Tân
Chi nhánh Công ty Cổ phần Điện nước An Giang - Xí nghiệp Điện nước Tịnh Biên
Chi nhánh Công ty Cổ phần Điện nước An Giang - Xí nghiệp Điện nước Thoại Sơn
Chi nhánh Công ty Cổ phần Điện nước An Giang - Xí nghiệp Cấp nước Long Xuyên
Chi nhánh Công ty Cổ phần Điện nước An Giang - Xí nghiệp Điện nước Châu Đốc
Chi nhánh Công ty Cổ phần Điện nước An Giang - Xí nghiệp Điện nước Tri Tôn
Chi nhánh Công ty Cổ phần Điện nước An Giang - Xí nghiệp Điện nước An Phú
Chi nhánh Công ty Cổ phần Điện nước An Giang - Xí nghiệp Xây lắp Điện nước

Địa chỉ

Ấp Long Hòa, xã Chợ Mới, tỉnh An Giang, Việt Nam
Số 346, Quốc lộ 91, ấp Hòa Long 4, xã An Châu, tỉnh An Giang, Việt Nam
Số 169, Quốc lộ 91, ấp Vĩnh Phú, xã Vĩnh Thạnh Trung, tỉnh An Giang, Việt Nam
Tỉnh lộ 954, khóm Long Hưng 2, phường Tân Châu, tỉnh An Giang, Việt Nam
Ấp Thượng 3, xã Phú Tân, tỉnh An Giang, Việt Nam
Khóm Hòa Hưng, phường Thới Sơn, tỉnh An Giang, Việt Nam
Ấp Bắc Sơn, xã Thoại Sơn, tỉnh An Giang, Việt Nam
Số 1244, đường Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang, Việt Nam
Số 64 Cừ Trĩ, khóm Vĩnh Phú, phường Châu Đốc, tỉnh An Giang, Việt Nam
Ấp Tô Thủy, xã Tri Tôn, tỉnh An Giang, Việt Nam
Số 4004, đường Bạch Đằng, ấp An Hưng, xã An Phú, tỉnh An Giang, Việt Nam
Số 632, đường Trần Hưng Đạo, khóm Bình Đức 1, phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Số lượng người lao động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 1.448 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 1.442 nhân viên).

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này. Trong kỳ, Công ty lần đầu tiên áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính ("Thông tư 99") thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"). Theo đó, một số khoản mục trên Báo cáo tài chính đã được tái phân loại và đổi tên theo quy định mới. Số liệu cột "Số đầu năm" và cột "Kỳ trước" trên Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được trình bày lại theo cách phân loại và tên gọi mới của Thông tư 99 để đảm bảo tính so sánh được. Các thay đổi này không làm ảnh hưởng đến tổng giá trị tài sản, tổng nợ phải trả, vốn chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế của Công ty.

8. Thông tin khác

Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký giao dịch trên thị trường UPCoM (Hệ thống giao dịch chứng khoán chưa niêm yết) thuộc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán "DNA" theo Quyết định số 851 ngày 12 tháng 10 năm 2017 của Sở Giao dịch Chứng khoán. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 19 tháng 10 năm 2017.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do các giao dịch chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 ("Thông tư 99") và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 99 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN, ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN VÀ CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền), theo nguyên tắc giá gốc và trên giả định hoạt động liên tục.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư (tính từ ngày mua đến ngày đáo hạn), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro đáng kể trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo. Các khoản tiền và tương đương tiền bị hạn chế sử dụng không được trình bày tại chỉ tiêu này mà trình bày tại chỉ tiêu "Tài sản ngắn hạn khác" hoặc "Tài sản dài hạn khác" tùy theo thời hạn hạn chế sử dụng.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua (phí giao dịch, hoa hồng môi giới,...). Lãi dồn tích từ kỳ trước tính đến ngày mua được ghi giảm trừ vào giá gốc của khoản đầu tư tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc. Thu nhập lãi sau ngày mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên cơ sở dự thu.

Trường hợp có phát sinh chiết khấu hoặc phụ trội tại thời điểm mua, phần chiết khấu được phân bổ dần trong suốt kỳ hạn còn lại của khoản đầu tư theo phương pháp đường thẳng, ghi tăng giá trị khoản đầu tư và ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính; phần phụ trội được phân bổ dần theo phương pháp tương tự, ghi giảm giá trị khoản đầu tư và ghi nhận vào chi phí tài chính.

Trường hợp khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có lãi suất thả nổi được xác định lại hàng kỳ theo thị trường mà việc cập nhật lãi suất thả nổi sẽ triệt tiêu được chiết khấu, phụ trội liên quan đến lợi thế/bất lợi của công cụ thì chiết khấu, phụ trội được phân bổ cho giai đoạn từ ngày mua tới ngày chốt lãi suất tiếp theo (ngày mà lãi suất danh nghĩa của trái phiếu được xác định theo biến động lãi suất trên thị trường). Trường hợp khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có lãi suất thả nổi được xác định lại hàng kỳ theo thị trường đồng thời chiết khấu, phụ trội liên quan đến lợi thế/bất lợi của công cụ mà việc cập nhật lãi suất thả nổi không triệt tiêu được thì chiết khấu, phụ trội được phân bổ trong suốt thời gian của công cụ.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy, tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư. Trường hợp các bằng chứng tổn thất giảm đi hoặc không còn trong kỳ sau, phần tổn thất đã ghi nhận được hoàn nhập và ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (chi phí giao dịch, môi giới, tư vấn, kiểm toán, lệ phí, thuế và phí ngân hàng,...). Nếu Công ty vay vốn để đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác thì chi phí lãi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính mà không được vốn hóa. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được theo dõi theo giá gốc.

Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Công ty tại đơn vị được đầu tư tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nhân (x) với phần chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu của đơn vị tại cùng thời điểm.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu tiền điện, nước của các cá nhân, tổ chức đã quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 tháng đến dưới 6 tháng.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 9 tháng.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 9 tháng đến dưới 12 tháng.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 12 tháng trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng hoặc từng dịch vụ cung cấp dở dang có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm dự phòng tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh (bao gồm các chi phí đã trả tiền trước và các chi phí chưa trả tiền trước) có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và được phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh của các kỳ kế toán có liên quan.

Chi phí chờ phân bổ được phân loại thành ngắn hạn (thời gian phân bổ không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường) và dài hạn (thời gian phân bổ trên 12 tháng hoặc dài hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường) trên Báo cáo tình hình tài chính. Chi phí chờ phân bổ dài hạn không được tái phân loại thành chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khi lập Báo cáo tài chính.

Việc phân bổ chi phí chờ phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh từng kỳ được Công ty thực hiện căn cứ vào tính chất, mức độ của từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp. Thời gian và phương pháp phân bổ các khoản chi phí chờ phân bổ của Công ty như sau:

Chi phí lắp đặt thủy kế, điện kế

Chi phí lắp đặt thủy kế, điện kế được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ trong 03 - 05 năm.

Chi phí cải tạo sửa chữa lớn

Chi phí cải tạo sửa chữa lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi phí đền bù san lấp mặt bằng đất thuê

Chi phí đền bù san lấp mặt bằng đất thuê được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với số năm thuê đất.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên tài sản cố định hữu hình được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh. Đối với các tài sản cố định mà theo yêu cầu kỹ thuật phải được sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ phát sinh có giá trị lớn được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh cho đến kỳ sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ tiếp theo.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét lại ít nhất vào cuối mỗi năm tài chính và điều chỉnh nếu cần thiết. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 09
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét lại ít nhất vào cuối mỗi năm tài chính và điều chỉnh nếu cần thiết.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ và các chi phí liên quan trực tiếp khác. Quyền sử dụng đất ổn định lâu dài không tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa chương trình phần mềm máy tính vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt, bao gồm cả chi phí đi vay được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay ("VAS 16"). Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao cho đến khi hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng. Khi hoàn thành, toàn bộ chi phí được kết chuyển sang khoản mục phù hợp tùy theo mục đích sử dụng thực tế, bao gồm tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, bất động sản đầu tư hoặc hàng tồn kho và được tính khấu hao/haos mòn từ thời điểm đưa vào sử dụng.

Chi phí nâng cấp, cải tạo tài sản cố định đang thực hiện được tập hợp riêng và khi hoàn thành được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định tương ứng.

Các chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định phát sinh thường xuyên hàng kỳ để tài sản hoạt động bình thường được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Đối với các tài sản cố định theo yêu cầu kỹ thuật phải được sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, chi phí phát sinh được tập hợp riêng. Khi hoàn thành, chi phí được kết chuyển sang chi phí chờ phân bổ và phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh cho đến kỳ bảo dưỡng tiếp theo.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh: các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có đủ chứng từ, hồ sơ, tài liệu kế toán; các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép; và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh khác phải trích trước (như chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ, chi phí lãi vay phải trả).
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

11. Phải trả cổ tức, lợi nhuận

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi Công ty không có quyền từ chối nghĩa vụ chi trả cổ tức cho các cổ đông theo quy định của pháp luật về chứng khoán và Điều lệ của doanh nghiệp.

12. Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi Công ty hoàn thành nghĩa vụ thực hiện cam kết trong hợp đồng bằng việc chuyển giao quyền kiểm soát hàng hóa, thành phẩm cho khách hàng, đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi Công ty hoàn thành nghĩa vụ thực hiện cam kết trong hợp đồng, đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ hoạt động đầu tư. Đối với khoản đầu tư vào đơn vị đã đăng ký, lưu ký tập trung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, thời điểm ghi nhận là ngày đăng ký cuối cùng. Đối với khoản đầu tư vào các đơn vị khác, thời điểm ghi nhận được xác định theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của đơn vị nhận đầu tư. Chi phần cổ tức, lợi nhuận thuộc giai đoạn sau ngày đầu tư mới được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính, phần thuộc giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá gốc khoản đầu tư. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu không được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính và không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư, chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ khi đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang, là tài sản cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán, được tính vào giá trị của tài sản đó khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Việc vốn hóa chi phí đi vay bắt đầu khi đồng thời thỏa mãn cả ba điều kiện:

- Chi phí cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đã phát sinh;
- Chi phí đi vay đã phát sinh; và
- Các hoạt động cần thiết để chuẩn bị đưa tài sản vào sử dụng hoặc bán đang được tiến hành.

Việc vốn hóa tạm ngừng trong các giai đoạn quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bị gián đoạn một cách bất thường. Việc vốn hóa chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết để chuẩn bị đưa tài sản vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

Đối với khoản vay riêng biệt phục vụ việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang, chi phí đi vay được vốn hóa là chi phí đi vay thực tế phát sinh trừ đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của khoản vay này.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang, chi phí đi vay được vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa áp dụng cho chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Chi phí được ghi nhận ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Khi Công ty ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó. Chi phí tương ứng bao gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất của giao dịch và các chuẩn mực kế toán Việt Nam để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chính sách kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty được thực hiện theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025, Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính và các quy định pháp luật khác có liên quan. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập tính thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ, các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Hàng quý, Công ty xác định và ghi nhận số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp theo tờ khai thuế. Cuối năm tài chính, Công ty xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp theo tờ khai quyết toán và điều chỉnh chênh lệch so với số đã tạm ghi nhận trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời chịu thuế, trừ trường hợp phát sinh từ ghi nhận ban đầu của tài sản hay nợ phải trả trong một giao dịch không ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hay thu nhập chịu thuế tại thời điểm phát sinh.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ khi chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để sử dụng các chênh lệch tạm thời đó, đồng thời được ghi nhận cho các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng khi có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu thì không được phản ánh vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét lại vào cuối mỗi kỳ kế toán và được giảm xuống trong phạm vi không còn chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế để thu hồi toàn bộ hoặc một phần tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên thuế suất và quy định thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Khi lập Báo cáo tình hình tài chính, tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ với nhau khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung.

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

- Công ty mẹ.
- Các cá nhân có quyền biểu quyết trực tiếp hoặc gián tiếp dẫn đến ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, bao gồm các thành viên Hội đồng quản trị và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát hoạt động của Công ty, bao gồm Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, các thành viên quản lý khác và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp mà các cá nhân thuộc các nhóm trên nắm giữ tỷ lệ biểu quyết (trực tiếp hoặc gián tiếp) đủ lớn để có thể gây ảnh hưởng đáng kể đến doanh nghiệp đó, bao gồm các doanh nghiệp được sở hữu bởi thành viên quản lý chủ chốt hoặc cổ đông chính của Công ty và các doanh nghiệp có chung thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Thành viên mật thiết trong gia đình của một cá nhân là những người có thể chi phối hoặc bị chi phối bởi cá nhân đó khi giao dịch với Công ty, bao gồm: bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột.

Giao dịch giữa các bên liên quan là việc chuyển giao các nguồn lực hay các nghĩa vụ giữa các bên liên quan, không xét đến việc có tính giá hay không.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Tính chất rủi ro và lợi ích kinh tế là căn cứ chủ yếu để xác định báo cáo bộ phận chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý. Nếu rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi sự khác biệt về sản phẩm và dịch vụ thì báo cáo chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo thứ yếu theo khu vực địa lý. Ngược lại, nếu rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi sự khác biệt về khu vực địa lý thì báo cáo chính yếu được lập theo khu vực địa lý và báo cáo thứ yếu theo lĩnh vực kinh doanh. Cơ cấu tổ chức, quản lý và hệ thống báo cáo tài chính nội bộ của Công ty là cơ sở chính để xác định báo cáo bộ phận chính yếu hay thứ yếu.

Một bộ phận phải báo cáo khi phần lớn doanh thu có nguồn gốc từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài và đáp ứng ít nhất một trong các ngưỡng:

- Doanh thu của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng doanh thu của tất cả các bộ phận.
- Kết quả kinh doanh của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng kết quả kinh doanh của tất cả các bộ phận có lãi hoặc tổng kết quả kinh doanh của tất cả các bộ phận bị lỗ (tùy theo giá trị tuyệt đối nào lớn hơn).
- Tổng tài sản của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng tài sản của tất cả các bộ phận.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	49.899.476	64.968.388
Tiền gửi không kỳ hạn	127.988.540.086	161.608.655.941
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang	122.033.641.826	153.433.230.656
- Các ngân hàng, tổ chức khác	5.954.898.260	8.175.425.285
Các khoản tương đương tiền	50.000.000.000	-
- Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang	50.000.000.000	-
Cộng	178.038.439.562	161.673.624.329

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
Ngắn hạn	35.340.000.000	35.340.000.000	-	35.340.000.000	35.340.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn	35.340.000.000	35.340.000.000	-	35.340.000.000	35.340.000.000	-
Ngân hàng TMCP Công thương	28.000.000.000	28.000.000.000	-	28.000.000.000	28.000.000.000	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
<i>Việt Nam – Chi nhánh An Giang (*)</i>						
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang</i>	7.340.000.000	7.340.000.000	-	7.340.000.000	7.340.000.000	-
<i>Dài hạn</i>	6.500.000.000	6.500.000.000	-	3.500.000.000	3.500.000.000	-
<i>Trái phiếu</i>	6.500.000.000	6.500.000.000	-	3.500.000.000	3.500.000.000	-
<i>Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam</i>	6.500.000.000	6.500.000.000	-	3.500.000.000	3.500.000.000	-
Cộng	41.840.000.000	41.840.000.000	-	38.840.000.000	38.840.000.000	-

(*) Trong đó, khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang với số tiền là 8.000.000.000 VND (số đầu năm là 8.000.000.000 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng này (xem thuyết minh số V.19a).

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị dự phòng
<i>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>				
<i>Công ty Cổ phần Tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường ⁽ⁱ⁾</i>	84.040.000	-	84.040.000	-
Cộng	84.040.000	-	84.040.000	-

- (i) Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường 10.000 cổ phiếu, tương đương 0,08% vốn điều lệ.

Giá trị có thể thu hồi

Công ty chưa xác định được giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường do bên được đầu tư chưa có thông tin tài chính đáng tin cậy. Do đó, Công ty chưa có căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất cho khoản đầu tư này. Công ty sẽ đánh giá lại khi có đầy đủ thông tin.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Phải thu tiền điện	203.570.296.896	(475.892.919)	162.149.372.416	(475.892.919)
Phải thu tiền nước	44.451.523.983	(852.664.552)	38.859.288.823	(852.664.552)
Phải thu khác	16.876.063.031	-	20.405.407.506	-
Cộng	264.897.883.910	(1.328.557.471)	221.414.068.745	(1.328.557.471)



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng - Cấp thoát nước và Môi trường WASEEN	4.323.700.000	2.882.500.000
Cơ sở Điện Cơ Song Thành	2.398.572.374	-
Công ty TNHH MTV Cơ Điện	580.925.864	628.312.668
Các nhà cung cấp khác	1.865.162.202	1.451.681.126
Cộng	9.168.360.440	4.962.493.794

Trong đó, khoản ứng trước để mua sắm, xây dựng tài sản cố định là 6.212.236.844 VND (số đầu năm là 4.943.698.034 VND).

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Lãi tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu dự thu	1.094.638.000	-	975.099.945	-
Phải thu của người lao động - tiền tạm ứng	936.869.258	-	1.442.708.922	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Các khoản ký cược, ký quỹ bảo lãnh thực hiện công trình	-	-	905.532.037	-
Các khoản ký cược, ký quỹ khác	-	-	11.355.000	-
Phải thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế của các xí nghiệp	1.103.379.456	-	1.098.989.435	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	3.557.929.406	-	2.962.199.369	-
Cộng	6.692.816.120	-	7.395.884.708	-

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Các khoản ký cược, ký quỹ bảo lãnh thực hiện công trình	1.643.427.344	-	-	-
Các khoản ký cược, ký quỹ khác	11.355.000	-	-	-
Cộng	1.654.782.344	-	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Nợ quá hạn

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu tiền nước	Trên 1 năm	1.328.557.471	-	Trên 1 năm	1.328.557.471	-
Cộng		1.328.557.471	-		1.328.557.471	-

Không có biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi trong kỳ.

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.448.052.570	-	2.768.606.886	-
Công cụ, dụng cụ	239.487.418	-	246.094.858	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	169.054.812	-	1.777.571.431	-
Thành phẩm	68.421.528	-	31.013.325	-
Hàng hóa	35.208.053.510	-	34.340.788.258	-
Hàng gửi đi bán	5.430.602.688	-	4.471.548.121	-
Cộng	43.563.672.526	-	43.635.622.879	-

8. Chi phí chờ phân bổ

8a. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.175.877.886	2.235.866.650
Chi phí vật tư sửa chữa thay thế	35.478.136.797	24.775.519.564
Cộng	37.654.014.683	27.011.386.214

8b. Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lắp đặt điện kế	42.689.289.130	45.708.004.980
Chi phí lắp đặt thủy kế	73.279.504.882	78.091.990.715
Chi phí cải tạo sửa chữa lớn	6.250.878.705	8.211.687.117
Chi phí đền bù san lấp mặt bằng đất thuê	12.126.389.039	10.198.470.094
Cộng	134.346.061.756	142.210.152.906

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	291.258.535.354	1.961.997.371.543	6.427.001.115	6.124.767.409	2.265.807.675.421
Mua trong kỳ	370.143.605	34.812.240.641	2.464.418.074	56.824.074	37.703.626.394
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	10.568.733.772	-	-	10.568.733.772
Giảm do kết chuyển	(567.218.645)	(5.681.771.668)	-	-	(6.248.990.313)

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền đẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
sang hàng hóa					
Số cuối kỳ	291.061.460.314	2.001.696.574.288	8.891.419.189	6.181.591.483	2.307.831.045.274
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	30.171.027.585	437.664.341.667	1.493.521.338	2.247.522.527	471.576.413.117
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	157.435.791.043	1.142.610.784.704	2.626.159.769	3.760.932.244	1.306.433.667.760
Khấu hao trong kỳ	6.008.412.831	47.976.461.132	390.557.389	243.561.667	54.618.993.019
Giảm do kết chuyển sang hàng hóa	(566.451.431)	(4.536.730.104)	-	-	(5.103.181.535)
Số cuối kỳ	162.877.752.443	1.186.050.515.732	3.016.717.158	4.004.493.911	1.355.949.479.244
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	133.822.744.311	819.386.586.839	3.800.841.346	2.363.835.165	959.374.007.661
Số cuối kỳ	128.183.707.871	815.646.058.556	5.874.702.031	2.177.097.572	951.881.566.030
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 360.775.968.023 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng (xem thuyết minh V.19b).

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, không có tài sản cố định hữu hình đang hiện hữu có giá trị từ 10% tổng giá trị tài sản cố định hữu hình trở lên.

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	16.638.654.100	2.122.537.727	18.761.191.827
Mua trong kỳ	-	884.225.600	884.225.600
Số cuối kỳ	16.638.654.100	3.006.763.327	19.645.417.427
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	1.018.700.000	1.018.700.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	1.739.083.366	1.739.083.366
Khấu hao trong kỳ	-	157.818.010	157.818.010
Số cuối kỳ	-	1.896.901.376	1.896.901.376

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	16.638.654.100	383.454.361	17.022.108.461
Số cuối kỳ	16.638.654.100	1.109.861.951	17.748.516.051
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Danh mục tài sản cố định vô hình tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Quyền sử dụng đất	16.638.654.100	-	16.638.654.100
Quyền sử dụng đất kho văn phòng công ty	5.950.644.900	-	5.950.644.900
Quyền sử dụng đất trụ sở văn phòng công ty	10.688.009.200	-	10.688.009.200
Chương trình phần mềm máy tính	3.006.763.327	1.896.901.376	1.109.861.951
Các chương trình phần mềm máy tính khác	3.006.763.327	1.896.901.376	1.109.861.951
Cộng	19.645.417.427	1.896.901.376	17.748.516.051

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Xây dựng cơ bản dở dang				
Công trình lắp đặt, xây mới các trạm biến áp	6.246.738.164	5.714.211.089	(4.722.534.490)	7.238.414.763
Công trình cải tạo, nâng cấp hệ thống cấp nước Khánh An	4.518.150.000	-	-	4.518.150.000
Công trình hệ thống cấp nước Hội An - Chợ Mới	2.123.554.356	4.171.499.312	-	6.295.053.668
Công trình xây dựng trạm bơm cấp I nhà máy nước Phú Mỹ - Phú Tân	2.940.200.000	-	-	2.940.200.000
Công trình xây dựng nhà máy nước Tân Mỹ - Chợ Mới	3.486.569.560	-	-	3.486.569.560
Các công trình khác	11.356.609.201	1.435.351.744	(5.846.199.282)	6.945.761.663
Cộng	30.671.821.281	11.321.062.145	(10.568.733.772)	31.424.149.654

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Điện lực An Giang	169.087.412.969	141.650.031.850
Các nhà cung cấp khác	33.266.027.809	32.378.095.289
Cộng	202.353.440.778	174.028.127.139

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Trong đó, khoản phải trả người bán về mua sắm, xây dựng tài sản cố định là 10.673.096.204 VND (số đầu năm là 12.300.436.411 VND).

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	366.585.152	302.798.482
Bà Lê Thị Kim Tuyền	270.000.000	-
Bà Lương Thị Cẩm Bình	194.186.443	-
Các khách hàng khác	3.625	2.700
Cộng	830.775.220	302.801.182

14. Phải trả cổ tức, lợi nhuận

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Cổ tức phải trả cho bên liên quan</i>	<i>74.122.090.500</i>	-
Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang	74.122.090.500	-
<i>Cổ tức phải trả cho các cổ đông khác</i>	<i>10.752.313.975</i>	<i>400.715.425</i>
Các cổ đông khác	10.752.313.975	400.715.425
Cộng	84.874.404.475	400.715.425

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02NQ/ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 6 năm 2026 đã thông qua việc chi trả cổ tức năm 2025 bằng tiền cho các cổ đông theo tỷ lệ 15% vốn góp.

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Giảm khác	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.779.411.620	24.715.838.403	(23.737.411.213)	-	3.757.838.810
Thuế thu nhập doanh nghiệp	39.293.344.912	24.718.320.402	(39.293.344.911)	(1)	24.718.320.402
Thuế thu nhập cá nhân	185.715.916	519.426.700	(600.903.280)	-	104.239.336
Thuế tài nguyên	482.406.324	3.266.296.211	(3.200.662.113)	-	548.040.422
Thuế nhà đất	-	33.144.294	(33.144.294)	-	-
Tiền thuế đất	-	69.369.585	(69.369.585)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.050.125.323	8.490.773.909	(7.566.234.581)	-	1.974.664.651
Cộng	43.791.004.095	61.813.169.504	(74.501.069.977)	(1)	31.103.103.621

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

• Nước bán cho Khu công nghiệp Bình Hòa và khu kinh tế cửa khẩu Tịnh Biên	:	0%
• Nước sinh hoạt	:	5%
• Điện, lắp đặt, cải tạo điện kế, bán vật tư điện, ...	:	10%
• Các dịch vụ khác	:	10%

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026 Công ty được áp dụng mức thuế suất giá trị gia tăng 8% đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% theo quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 1, Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ hướng dẫn Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	126.964.093.039	121.274.524.518
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
• Các khoản điều chỉnh tăng	79.012.800.442	71.131.965.743
• Các khoản điều chỉnh giảm	(82.365.291.472)	(83.607.786.705)
Thu nhập chịu thuế	123.611.602.009	108.798.703.556
Thu nhập được miễn thuế	(20.000.000)	(20.000.000)
Thu nhập tính thuế	123.591.602.009	108.778.703.556
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	24.718.320.402	21.755.740.712
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	1.778.638
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	24.718.320.402	21.757.519.350

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước mặt với giá tính thuế 6.200 VND/m³ và 6.900 VND/m³, thuế suất 1% và hoạt động khai thác nước thiên nhiên tinh lọc đóng chai, đóng hộp với giá tính thuế 310.000 VND/m³, thuế suất 10%.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng với mức tiền thuê như sau:

Vị trí đất	Diện tích (m ²)	Mức tiền thuê (VND/m ² /năm)
- Phường Châu Đốc, tỉnh An Giang	113	93.800
- Phường Mỹ Xuyên, tỉnh An Giang	373,6	159.117



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Xã Phú An, tỉnh An Giang	226,7	1.654
- Xã Tri Tôn, tỉnh An Giang	265,3	1.216

Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. Phải trả người lao động

Là tiền lương còn phải trả người lao động.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	928.437.213	559.441.120
Cộng	928.437.213	559.441.120

18. Phải trả khác

18a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	827.905.629	819.676.897
Lãi vay phải trả	173.021.816	173.021.816
Sở Tài chính tỉnh An Giang - Phải trả tiền thu phí dịch vụ thoát nước	6.312.672.100	42.855.331.486
Phải trả ngân sách Nhà nước (*)	11.000.000.000	19.000.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	17.066.270.891	17.946.129.459
Cộng	35.379.870.436	80.794.159.658

18b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả ngân sách Nhà nước (*)	106.203.670.048	107.203.670.048
Cộng	106.203.670.048	107.203.670.048

(*) Đây là khoản phải trả theo Công văn số 1308/VPUBND-KTĐT ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về phương án trả nợ ngân sách Nhà nước đã cấp sau cổ phần hóa để thực hiện các công trình tuyến ống cấp nước, đường điện trung hạ thế trên địa bàn tỉnh An Giang.

19. Vay

19a. Vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang ⁽ⁱ⁾	18.444.764.052	23.394.431.875
Vay dài hạn đến hạn trả các tổ chức khác (xem thuyết minh V.19b)	49.668.600.000	73.298.378.000
Cộng	68.113.364.052	96.692.809.875

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang theo Hợp đồng vay số 143/2025-HĐCVHM/NHCT740-POWACO ngày 12 tháng 12 năm 2025 để bổ sung vốn lưu động



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

phục vụ sản xuất kinh doanh với hạn mức tín dụng là 40.000.000.000 VND, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ (lãi suất vay áp dụng trong kỳ từ 6,6 – 7,9%/năm), thời hạn vay từng khoản nợ tối đa không quá 06 tháng đối với khoản vay bổ sung vốn kinh doanh điện, nước và không quá 03 tháng đối với mục đích vay bổ sung vốn lưu động còn lại. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh V.2a).

Chi tiết số phát sinh về khoản vay ngắn hạn như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	96.692.809.875	91.694.215.674
Số tiền vay phát sinh	18.444.764.052	19.709.763.003
Kết chuyển từ vay dài hạn	25.480.366.672	67.405.366.325
Số tiền vay đã trả	(72.042.198.547)	(60.073.385.932)
Kết chuyển sang vay dài hạn	(462.378.000)	-
Tăng khác	-	5
Số cuối kỳ	68.113.364.052	118.735.959.075

19b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang ⁽ⁱ⁾	235.893.509.685	180.904.977.241
Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Vốn vay từ AFD ⁽ⁱⁱ⁾	6.036.655.000	5.574.277.000
Cộng	241.930.164.685	186.479.254.241

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của các Dự án với lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ và thời hạn từ 48 tháng đến 72 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng hình thức thế chấp tài sản (xem thuyết minh số V.9) và tài sản hình thành từ vốn vay.

(ii) Khoản vay vốn từ AFD thông qua Ngân hàng Phát triển Việt Nam để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của dự án: “Hệ thống cấp nước thị trấn An Phú” với lãi suất trong hạn ở mức 0,3%/năm, lãi suất quá hạn ở mức 7,5%/năm, thời hạn vay là 180 tháng kể từ thời điểm giải ngân đầu tiên. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản gắn liền với đất của dự án Hệ thống cấp nước thị trấn An Phú (xem thuyết minh số V.9).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	49.668.600.000	73.298.378.000
Trên 01 năm đến 05 năm	183.939.164.685	181.283.254.241
Trên 05 năm	57.991.000.000	5.196.000.000
Cộng	291.598.764.685	259.777.632.241

Chi tiết phát sinh về các khoản vay dài hạn ngân hàng trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	186.479.254.241	131.832.961.754
Số tiền vay phát sinh	80.468.899.116	61.816.433.145
Kết chuyển từ vay ngắn hạn	462.378.000	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(25.480.366.672)	(67.405.366.325)
Số cuối kỳ	241.930.164.685	126.244.028.574

19c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	29.600.765.006	20.862.400.000	55.040.000	(29.263.316.755)	21.254.888.251
Quỹ phúc lợi	8.190.002.250	5.215.600.000	-	(1.922.447.773)	11.483.154.477
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	379.603.050	325.000.000	-	(512.211.500)	192.391.550
Cộng	38.170.370.306	26.403.000.000	55.040.000	(31.697.976.028)	32.930.434.278

21. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Chi tiết phát sinh như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	15.802.557.064	14.225.282.003
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	670.491.224	2.496.275.337
Số cuối kỳ	16.473.048.288	16.721.557.340

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 20%.

22. Vốn chủ sở hữu

22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang	494.147.270.000	494.147.270.000
Các cổ đông khác	69.148.400.000	69.148.400.000
Cộng	563.295.670.000	563.295.670.000

22c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	56.329.567	56.329.567
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	56.329.567	56.329.567
- Cổ phiếu phổ thông	56.329.567	56.329.567
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	56.329.567	56.329.567

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Cổ phiếu phổ thông	56.329.567	56.329.567
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

22d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2025 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2026 số 02NQ/ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 6 năm 2026 như sau:

	Số được phân phối	Số tạm phân phối trong năm trước	Số phân phối trong kỳ này
• Chia cổ tức bằng tiền cho các cổ đông (15%/Vốn điều lệ)	84.494.350.500	-	84.494.350.500
• Trích quỹ đầu tư phát triển	25.500.000.000	25.500.000.000	-
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	52.850.529.598	52.850.529.598	-
• Trích quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	650.000.000	650.000.000	-

Ngoài ra, theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2026 số 02NQ/ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 6 năm 2026, Công ty đã tạm trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 6 tháng đầu năm 2026 như sau:

	VND
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 13.750.000.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 26.078.000.000
• Trích quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	: 325.000.000

23. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ

23a. Tài sản cầm cố, thế chấp

	Giá trị sổ sách		Thời gian cầm cố, thế chấp	Bên nhận cầm cố, thế chấp
	Số cuối kỳ	Số đầu năm		
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn (xem Thuyết minh số V.2a)	8.000.000.000	8.000.000.000		
Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng	8.000.000.000	8.000.000.000	01 năm	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang
Tài sản cố định hữu hình (xem Thuyết minh số V.9)	360.775.968.023	328.148.893.667		
Các tài sản cố định hữu hình khác	360.775.968.023	328.148.893.667	Từ 01 đến 9 năm	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang
Cộng	368.775.968.023	336.148.893.667		

23b. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Nguyên nhân xóa sổ
Phải thu khách hàng tiền điện, nước	2.609.603.001	2.609.603.001	Không khả năng thu hồi
Cộng	2.609.603.001	2.609.603.001	

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu kinh doanh điện	1.205.656.497.189	1.083.454.459.796
Doanh thu cung cấp nước sinh hoạt	304.688.831.104	303.113.100.874
Doanh thu bán vật tư	6.727.104.499	4.741.920.677
Doanh thu khác	6.447.293.083	3.786.246.964
Cộng	1.523.519.725.875	1.395.095.728.311

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn kinh doanh điện	972.587.661.000	867.176.093.702
Giá vốn nước sinh hoạt đã cung cấp	241.593.287.847	242.855.221.498
Giá vốn vật tư đã bán	5.473.901.464	4.028.224.097
Giá vốn khác	740.886.312	174.572.939
Cộng	1.220.395.736.623	1.114.234.112.236

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	112.170.803	74.126.554
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	590.346.274	564.946.274
Lãi đầu tư trái phiếu	229.191.781	193.191.781
Cổ tức được chia	20.000.000	20.000.000
Cộng	951.708.858	852.264.609

4. Chi phí tài chính

Là chi phí lãi vay ngân hàng.

5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	72.911.832.541	70.843.053.189
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	13.044.739.457	12.803.904.523
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.602.395.001	10.404.294.969
Các chi phí khác	6.189.756.603	6.237.147.065
Cộng	103.748.723.602	100.288.399.746



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	20.203.686.554	17.996.482.001
Chi phí vật liệu quản lý	16.015.114.935	14.157.826.898
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.344.665.518	2.762.875.898
Chi phí khấu hao tài sản cố định	673.505.550	541.009.383
Thuế, phí và lệ phí	-	15.000.000
Các chi phí khác	23.551.732.697	22.712.220.386
Cộng	62.788.705.254	58.185.414.566

7. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ cho thuê trụ	1.107.608.400	1.217.272.800
Phí bảo vệ môi trường giữ lại	418.830.777	379.034.652
Phí dịch vụ thoát nước giữ lại	2.063.118.132	1.996.472.094
Thu nhập từ thu hồi hàng hóa hư hỏng	-	111.023.453
Thu bồi thường di dời tài sản	-	3.157.510.000
Thu nhập từ quản lý, vận hành hệ thống thoát nước và xử lý nước thải TP. Long Xuyên	3.427.778.704	3.955.202.778
Thu nhập khác	171.695.019	710.905.319
Cộng	7.189.031.032	11.527.421.096

8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu, chậm nộp	65.146	5.555.722
Thuế giá trị gia tăng của phí bảo vệ môi trường và phí dịch vụ thoát nước giữ lại	427.539.545	207.116.061
Chi phí quản lý, vận hành hệ thống thoát nước và xử lý nước thải TP. Long Xuyên	3.264.551.852	3.999.929.630
Chi phí khác	775.179.154	74.368.000
Cộng	4.467.335.697	4.286.969.413

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	670.491.224	2.496.275.337
Cộng	670.491.224	2.496.275.337



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

10. Lãi trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	101.575.281.413	97.020.729.831
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(26.078.000.000)	(18.562.400.000)
Trích quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý (*)	(325.000.000)	(250.000.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	75.172.281.413	78.208.329.831
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	56.329.567	56.329.567
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	1.335	1.388

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý kỳ này được tạm tính theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2026 số 02NQ/ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 6 năm 2026.

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá mua hàng hóa đã bán	1.010.705.022.390	871.204.317.799
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	120.397.178.740	125.512.737.549
Chi phí nhân công	167.056.938.548	157.679.612.214
Chi phí khấu hao tài sản cố định	54.776.811.029	52.735.632.132
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.598.540	32.327.323.791
Chi phí khác	33.990.616.232	33.248.303.063
Cộng	1.386.933.165.479	1.272.707.926.548

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Ông Lương Văn Bạ - Chủ tịch Hội đồng quản trị	752.352.000	813.800.000
Ông Lê Việt Anh - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	634.024.800	648.700.000
Ông Trần Nhất Trí - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	574.700.160	588.340.000
Ông Trương Văn Nghiệm - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	437.576.640	437.860.000
Ông Lê Thành Bửu - Thành viên Hội đồng quản trị	160.560.000	182.150.000
Ông Lâm Thành Quang - Thành viên Hội đồng quản trị	160.560.000	182.150.000
Ông Nguyễn Tuấn Huy - Thành viên Hội đồng quản trị	24.000.000	30.960.000
Ông Huỳnh Lâm - Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2026)	240.180.000	179.375.000
Ông Nguyễn Ngọc Châu - Phó Tổng Giám đốc	200.200.300	-
Bà Nguyễn Thị Ngọc Châu - Trưởng Ban kiểm soát	191.616.000	204.700.000
Ông Châu Minh Tú - Thành viên Ban kiểm soát	78.216.000	82.950.000
Ông Trần Lê Minh Hoan - Thành viên Ban kiểm soát	83.544.000	96.663.600
Ông Phạm Cao Trí - Kế toán trưởng	268.994.400	285.100.000
Cộng	3.806.524.300	3.732.748.600

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác với Công ty chỉ có Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang là cổ đông nắm giữ 87,72% vốn điều lệ.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty chỉ phát sinh giao dịch về chia cổ tức với Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang với số tiền là 74.122.090.500 VND (cùng kỳ năm trước là 74.122.090.500 VND).

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.14.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh điện, cung cấp nước sinh hoạt. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày tại thuyết minh số VI.1a và VI.2.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Số liệu so sánh

3a. Áp dụng chế độ kế toán mới

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 là năm đầu tiên Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 99 thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

Việc chuyển đổi sang Thông tư 99 được thực hiện theo các phương pháp sau:

- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 có hướng dẫn chuyển đổi cụ thể, Công ty thực hiện theo hướng dẫn đó.
- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 không có quy định phải điều chỉnh hồi tố hoặc hồi tố đơn giản, Công ty áp dụng phương pháp phi hồi tố.

Thay đổi sau đây, Thông tư 99 không có hướng dẫn chuyển đổi cụ thể. Do đó, Công ty áp dụng phương pháp phi hồi tố đối với Phải trả cổ tức, lợi nhuận.

3b. Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính giữa niên độ như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ					
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	-	400.715.425	400.715.425	(i)
Phải trả ngắn hạn khác	320	81.194.875.083	(400.715.425)	80.794.159.658	(i)

- (i) Trình bày lại các khoản cổ tức phải trả.

4. Các giả định và ước tính quan trọng

Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện các giả định và ước tính có ảnh hưởng đến số liệu tài sản, nợ phải trả, doanh thu và chi phí. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính này. Các giả định và ước tính quan trọng được Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đánh giá và cập nhật thường xuyên dựa trên kinh nghiệm lịch sử và các yếu tố liên quan khác.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các ước tính dưới đây được Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là có khả năng ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính trong năm tài chính tiếp theo nếu các giả định thay đổi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi

Công ty ước tính khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi dựa trên đánh giá khả năng thu hồi của từng khoản nợ phải thu theo tuổi nợ và tình hình tài chính của từng khách hàng. Sự không chắc chắn phát sinh từ việc dự báo khả năng thanh toán của khách hàng trong tương lai, đặc biệt trong bối cảnh kinh tế biến động.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, tổng số dư nợ phải thu khách hàng là 264.897.883.910 VND, trong đó Công ty đã trích lập dự phòng 1.328.557.471 VND.

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc thực hiện các biện pháp sau để hạn chế rủi ro nợ khó đòi:

- Tăng cường theo dõi và đôn đốc thu hồi công nợ định kỳ.
- Yêu cầu tài sản đảm bảo hoặc bảo lãnh đối với các khoản nợ có giá trị lớn.
- Rà soát hạn mức tín dụng cho từng khách hàng hàng quý.
- Khởi kiện hoặc áp dụng biện pháp pháp lý đối với các khoản nợ quá hạn.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Công ty ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho dựa trên giá bán dự kiến trừ chi phí bán hàng ước tính. Sự không chắc chắn phát sinh từ biến động giá thị trường, thay đổi nhu cầu của khách hàng và rủi ro lỗi thời của hàng hóa/vật tư tồn kho.

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc thực hiện các biện pháp sau để hạn chế rủi ro:

- Kiểm kê và đánh giá chất lượng hàng tồn kho định kỳ hàng quý.
- Điều chỉnh kế hoạch sản xuất phù hợp với nhu cầu thị trường.
- Triển khai các chương trình khuyến mại để đẩy nhanh tiêu thụ hàng tồn kho chậm luân chuyển.
- Đa dạng hóa kênh phân phối để mở rộng thị trường tiêu thụ.

Ước tính thời gian sử dụng hữu ích và giá trị thu hồi của tài sản cố định

Công ty ước tính thời gian sử dụng hữu ích của tài sản cố định dựa trên đánh giá kỹ thuật và kinh nghiệm sử dụng thực tế. Sự không chắc chắn phát sinh từ việc thay đổi công nghệ, cường độ sử dụng và điều kiện bảo dưỡng thực tế khác với giả định ban đầu, dẫn đến thời gian sử dụng thực tế có thể ngắn hơn hoặc dài hơn ước tính.

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thời gian sử dụng hữu ích thực tế khác biệt đáng kể so với ước tính là thấp đối với phần lớn tài sản.

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc thực hiện các biện pháp sau:

- Rà soát và điều chỉnh thời gian sử dụng hữu ích định kỳ hàng năm.
- Thực hiện bảo dưỡng định kỳ theo đúng quy trình kỹ thuật.
- Đánh giá dấu hiệu tổn thất tài sản tại mỗi ngày báo cáo theo quy định.
- Lập kế hoạch đầu tư thay thế tài sản kịp thời để tránh gián đoạn sản xuất kinh doanh.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế hoãn lại

Việc xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và tài sản/thuế hoãn lại đòi hỏi Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc thực hiện các giả định về khả năng áp dụng các quy định thuế hiện hành, khả năng tạo ra lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng tài sản thuế hoãn lại và rủi ro bị cơ quan thuế điều chỉnh khi kiểm tra quyết toán thuế.

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng lợi nhuận tính thuế thực tế thấp hơn đáng kể so với kế hoạch là thấp dựa trên kết quả kinh doanh các năm gần đây và kế hoạch kinh doanh được phê duyệt.

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc thực hiện các biện pháp sau:

- Rà soát định kỳ khả năng thu hồi tài sản thuế hoãn lại hàng năm.
- Tham vấn chuyên gia thuế về việc áp dụng các quy định thuế đối với các giao dịch phức tạp.
- Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ chứng từ để sẵn sàng đối phó với kiểm tra thuế.
- Theo dõi sát diễn biến chính sách thuế và điều chỉnh ước tính kịp thời.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày Báo cáo tài chính được phê duyệt phát hành, không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Phê duyệt, ngày 12 tháng 8 năm 2026

Dương Quốc Quân
Người lập

Phạm Cao Trí
Kế toán trưởng



Dương Văn Bạ
Người đại diện theo pháp luật



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Đức, tỉnh An Giang, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	563.295.670.000	155.470.612.838	127.069.707.234	845.835.990.072
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	97.020.729.831	97.020.729.831
Trích lập các quỹ	-	19.000.000.000	(37.812.400.000)	(18.812.400.000)
Chia cổ tức	-	-	(84.494.350.500)	(84.494.350.500)
Số dư cuối kỳ trước	563.295.670.000	174.470.612.838	101.783.686.565	839.549.969.403
Số dư đầu năm nay	563.295.670.000	180.970.612.838	121.186.788.035	865.453.070.873
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	101.575.281.413	101.575.281.413
Trích lập các quỹ	-	13.750.000.000	(40.153.000.000)	(26.403.000.000)
Chia cổ tức	-	-	(84.494.350.500)	(84.494.350.500)
Số dư cuối kỳ này	563.295.670.000	194.720.612.838	98.114.718.948	856.131.001.786



Dương Quốc Quân
Người lập



Phạm Cao Trí
Kế toán trưởng



Phê duyệt ngày 12 tháng 8 năm 2026

Lương Văn Bạ
Người đại diện theo pháp luật

